

# TIẾP CẬN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC

TRẦN THANH BÌNH (\*)

## TÓM TẮT

*Tiếp cận chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học từ lâu đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế và hiện đang được triển khai thực hiện trong Đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa sau 2015 ở Việt Nam. Trên cơ sở hệ thống hóa những kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước trong thời gian gần đây, bài viết cung cấp một số cơ sở lý luận và thực tiễn, mong góp phần làm rõ hơn khái niệm năng lực, đặc điểm của cách tiếp cận chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học và phân tích một số nội dung chính trong Đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa sau 2015.*

## 1. KHÁI NIỆM

**1.1. Tiếp cận** theo *Từ điển Tiếng Việt* (Tr. 953) có nghĩa là: từng bước bằng những phương pháp nhất định, tìm hiểu một đối tượng nghiên cứu nào đó.

Trong giáo dục học, thuật ngữ tiếp cận (Approach) dùng để chỉ quan điểm, phương pháp luận của việc thiết kế, xây dựng chương trình giáo dục nói chung và việc định hướng cho toàn bộ các thành tố của chương trình giáo dục nói riêng (mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục, vai trò của người dạy, người học, người quản lí...). Lịch sử phát triển của giáo dục học thế giới đã ghi nhận nhiều cách tiếp cận khác nhau để xây dựng chương trình giáo dục như: cách tiếp cận nội dung, cách tiếp cận mục tiêu, cách tiếp cận phát triển, cách tiếp cận quản lí,

cách tiếp cận hệ thống (Nguyễn Hữu Châu, 2006; Nguyễn Đức Chính, 2008...) v.v. Hiện nay, chương trình giáo dục của hầu hết các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới đã chuyển sang cách tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực người học (*Competency-based Curriculum*).

**1.2. Khái niệm năng lực (Competence)** hiện được hiểu nhiều nghĩa khác nhau, tùy theo những cách tiếp cận khác nhau (Lê Kim Long, Phạm Minh Trí, 2012) Ở đây, xuất phát từ định nghĩa trong chương trình giáo dục Indonesia: “Năng lực (Competence) là chương trình giáo dục kiến thức (Knowledge), kĩ năng (Skills) và các giá trị (Values) được phản ánh trong thói quen suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân. Thói quen tư duy và hành động kiên trì, liên tục có thể giúp một người trở nên có năng lực, với ý nghĩa làm một việc gì đó trên cơ sở có kiến thức, kĩ năng và các giá trị” (Dẫn theo: Đỗ Ngọc Thống, 2014, tr. 12-13), có thể hiểu: năng lực là khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề trong những tình huống khác nhau thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trên cơ sở hiểu biết, kĩ năng, kĩ xảo và kinh nghiệm cũng như sự sẵn sàng hành động. Đồng thời, những yếu tố này phải quan sát, đo lường được và cho phép phân biệt được những người có biểu hiện năng lực tốt nhất so với những người khác.

Trong các mô hình khác nhau, cấu trúc và các thành phần năng lực cũng được mô tả

(\*) Tiến sĩ. Nhà xuất bản Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh.

khác nhau. Theo các nhà sư phạm dạy nghề của Đức, cấu trúc chung của năng lực hành động được mô tả là sự kết hợp của 4 năng lực thành phần: năng lực cá thể, năng lực chuyên môn, năng lực xã hội, năng lực phương pháp:

- Năng lực chuyên môn (*Professional Competence*): là khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và khả năng đánh giá kết quả chuyên môn một cách chính xác, độc lập, có phương pháp; được tiếp nhận qua việc học nội dung môn học.

- Năng lực phương pháp (*Methodical Competence*): là khả năng xây dựng kế hoạch hành động, định hướng mục đích trong việc giải quyết các nhiệm vụ và vấn đề, khả năng tiếp nhận, xử lý, đánh giá, truyền thụ và trình bày tri thức; được tiếp nhận qua việc học phương pháp luận – giải quyết vấn đề.

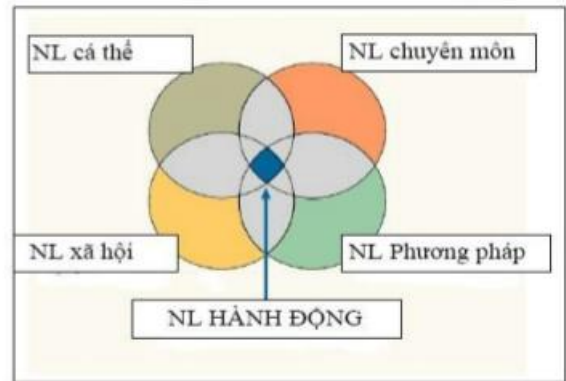
- Năng lực xã hội (*Social Competence*): là khả năng đạt được mục đích trong những tình huống giao tiếp ứng xử xã hội cũng như trong việc hợp tác với những thành viên khác để giải quyết những nhiệm vụ khác nhau; được tiếp nhận qua việc học giao tiếp.

- Năng lực cá thể (*Individual Competence*): là khả năng xác định, đánh giá được năng khiếu, giới hạn của cá nhân, khả năng xác định những quan điểm, chuẩn mực đạo đức, động cơ chi phối thái độ và hành vi ứng xử, khả năng xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển cá nhân; được tiếp nhận qua việc học cảm xúc – đạo đức và liên quan đến tư duy, hành động tự chịu trách nhiệm (Nguyễn Văn Tuấn, 2008).

Các thành phần cấu trúc của năng lực

Mô hình 4 thành phần năng lực trên tỏ ra phù hợp với bốn trụ cột giáo dục mà năm 1996, tổ chức UNESCO đã xác định cho giáo dục thế giới trong thế kỉ XXI (xem Hình dưới):

Trong chương trình giáo dục hiện nay của



các nước thuộc OECD (Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế), mô hình năng lực được phân chia thành hai nhóm chính, bao gồm *các năng lực chung* (general competence - còn gọi là năng lực chính, năng lực nền tảng) và *các năng lực chuyên môn* (Specific Competence - còn gọi là năng lực chuyên biệt).

*Nhóm năng lực chung*: là những năng lực cơ bản, thiết yếu để con người có thể sống và làm việc bình thường trong xã hội, được hình thành và phát triển qua nhiều môn học. Năm 2002, EU (Hội đồng châu Âu) đã thống nhất xác định hệ thống năng lực chung cho chương trình giáo dục của mỗi nước bao gồm 8 lĩnh vực:

- Giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ;
- Giao tiếp bằng tiếng nước ngoài;
- Công nghệ thông tin và truyền thông;
- Tính toán và năng lực toán, khoa học, công nghệ;
- Doanh nghiệp, kinh doanh;
- Năng lực liên cá nhân và năng lực công dân;
- Hiểu biết về học;
- Văn hoá chung.

Theo quan niệm của EU, mỗi năng lực chung cần: a) Góp phần tạo nên kết quả có

giá trị cho xã hội và cộng đồng; b) Giúp cho các cá nhân đáp ứng được những đòi hỏi của một bối cảnh rộng lớn và phức tạp; c) Chúng có thể không quan trọng đối với các chuyên gia nhưng rất quan trọng đối với tất cả mọi người.

*Nhóm năng lực chuyên môn:* là những năng lực riêng được hình thành và phát triển liên quan đến từng môn học cụ thể.

Ví dụ: nhóm năng lực chuyên môn trong môn Toán bao gồm các năng lực:

- Giải quyết các vấn đề toán học;
- Lập luận toán học;
- Mô hình hóa toán học;
- Giao tiếp toán học;
- Tranh luận về các nội dung toán học;
- Vận dụng các cách trình bày toán học;
- Sử dụng các kí hiệu, công thức, các yếu tố thuật toán.v.v.

Trong chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực, mục tiêu dạy học được mô tả thông qua các nhóm năng lực. Theo NIER (Viện nghiên cứu giáo dục quốc gia Nhật Bản, 1999), đây “là cách tiếp cận nêu rõ kết quả - những khả năng hoặc kỹ năng mà học sinh mong muốn đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường ở một môn học cụ thể” (Dẫn theo: Đỗ Ngọc Thống, 2014, tr. 7). Như vậy, thiết kế, xây dựng chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực thực chất là cũng là một cách tiếp cận “kết quả đầu ra”; nhưng “kết quả đầu ra” ở đây không phải là một tập hợp các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, thái độ rời rạc mà là hệ thống năng lực tổng hợp; cụ thể:

- Năng lực ở đây bao hàm cả kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo, động cơ, đạo đức và hành vi xã hội được hình thành, phát triển trong quá

trình dạy học ở nhà trường và tác động của gia đình, xã hội;

- Năng lực liên quan đến mục tiêu dạy học (mục tiêu dạy học được mô tả thông qua các năng lực cần hình thành);

- Hệ thống năng lực tạo thành nền tảng chung cho công việc giáo dục và dạy học (khi xác định phạm vi và cấu trúc nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả giáo dục, biên soạn sách giáo khoa v.v. đều phải xuất phát và đều phải hướng tới phát triển các năng lực chung và năng lực cá nhân cho học sinh).

- Năng lực là sự hội tụ, kết nối các tri thức, hiểu biết, khả năng, mong muốn, là sự mô tả cách thức giải quyết những đòi hỏi về nội dung trong các tình huống v.v.

## **2. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TIẾP CẬN THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGƯỜI HỌC**

Chương trình giáo dục tiếp cận theo định hướng phát triển năng lực người học không chỉ cung cấp kiến thức cho học sinh mà chú trọng nhiều hơn đến việc tiến hành các biện pháp, cách thức hoạt động linh hoạt, sáng tạo, hiệu quả... nhằm khơi dậy khả năng tìm kiếm, giải quyết vấn đề của người học, giúp người học biết vận dụng những kiến thức đã học gắn liền với cuộc sống để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra, biết hành động, ứng phó linh hoạt và hiệu quả trong những điều kiện mới, không quen thuộc, hòa nhập tốt vào thị trường lao động ngoài xã hội v.v. Nói cách khác, nếu chương trình giáo dục theo hướng tiếp cận nội dung yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi: *Biết cái gì?* thì chương trình giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực luôn đặt ra câu hỏi: *Biết làm gì từ những điều đã biết?*

Với quan điểm tiếp cận trên, thiết kế và thực hiện chương trình giáo dục theo định

hướng phát triển năng lực cần có sự nhất quán từ việc xác định hệ thống năng lực, mục tiêu, chuẩn năng lực, đặc điểm của các năng lực, kết quả cần đạt về năng lực và tiêu chí đánh giá các năng lực chứ không chỉ đặt ra ở một khâu nào đó của quy trình giáo dục. Điều này đòi hỏi trước hết phải xác định các năng lực chung cần trang bị và phát triển cho học sinh. Sau đó, trên cơ sở của các năng lực chung này, cần: 1) xác định các môn học/hoạt động bắt buộc cần thiết có vai trò trong việc phát triển năng lực; 2) xác định chuẩn năng lực cho mỗi giai đoạn/cấp/lớp; 3) xác định những năng lực mà mỗi môn học bắt buộc có thể đảm nhận. Cuối cùng, trong mỗi môn học, các năng lực nêu trên lại được trình bày với ba nội dung: a) đặc điểm của năng lực; b) kết quả cần đạt về năng lực; c) tiêu chí đánh giá năng lực.

Ở Việt Nam, cách tiếp cận năng lực hiện đang là định hướng của Đề án *Đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông* của Bộ Giáo dục và Đào tạo (vừa được Quốc hội khóa XIII, kì họp 8 thông qua tháng 11/2014). Theo định hướng này, *mục tiêu giáo dục* sẽ chuyển từ tập trung vào trang bị kiến thức, kỹ năng sang phát triển phẩm chất và năng lực người học, đảm bảo hài hòa giữa *dạy chữ, dạy người* và định hướng nghề nghiệp; *nội dung giáo dục* phải đảm bảo chuẩn hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và gắn với thực tiễn Việt Nam trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa; đảm bảo tính toàn diện, linh hoạt, liên thông thống nhất trong và giữa các cấp học; tích hợp và phân hóa hợp lý, có hiệu quả; *các phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức giáo dục* được đổi mới theo hướng hiện đại hóa, đa dạng hóa, số hoá nhằm phát triển phẩm chất và năng lực học sinh; *các hình thức và phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá* chất lượng giáo dục được đổi mới theo hướng coi trọng cả kiểm tra đánh giá kết quả với kiểm tra đánh giá quá trình, phản ánh mức độ đạt

chuẩn chương trình; *quản lí quá trình xây dựng và thực hiện chương trình* đảm bảo tính khả thi, linh hoạt, phù hợp địa phương và đối tượng học sinh; thực hiện chủ trương *một chương trình, nhiều bộ sách giáo khoa*.

Theo Đề án, cả phẩm chất, năng lực chung và năng lực chuyên môn của người học đều cần được giáo dục phổ thông quan tâm phát triển. Đó là 6 phẩm chất: *Yêu gia đình, quê hương đất nước; Nhân ái khoan dung; Trung thực, tự trọng, chí công, vô tư; Tự lập, tự tin, tự chủ; Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, nhân loại; Nghĩa vụ công dân và 9 năng lực chung: Tự học; Giải quyết vấn đề; Sáng tạo; Tự quản lí; Giao tiếp; Hợp tác; Sử dụng công nghệ thông tin; Sử dụng ngôn ngữ; Tính toán*. Tuy nhiên, vì trong từng giai đoạn học tập sẽ có những chú trọng khác nhau đối với những mức độ phẩm chất, năng lực học sinh khác nhau cho nên chương trình giáo dục sẽ được thiết kế theo những định hướng cụ thể như sau:

- Các môn học, chuyên đề học tập và hoạt động giáo dục được cấu trúc thành một hệ thống chỉnh thể, thống nhất, liên thông từ cấp tiểu học đến cấp trung học phổ thông và được chia thành 2 loại: *bắt buộc* và *tự chọn*. Nội dung học tập bắt buộc tạo nên nền tảng học vấn phổ thông, không thể thiếu đối với mỗi học sinh; nội dung học tập tự chọn đáp ứng nhu cầu, sở thích và khả năng riêng của các đối tượng học sinh khác nhau. Xu hướng chung là giảm số lượng môn học bắt buộc trong mỗi cấp học, lớp học và tăng các môn học, các chuyên đề học tập tự chọn đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực, kỹ năng, năng khiếu, tiếp cận nghề nghiệp của học sinh.

- Tích hợp cao ở tiểu học và trung học cơ sở để tập trung phát triển các năng lực chung; giảm tải, giảm tính hàn lâm, giảm số lượng môn học bằng cách lồng ghép những nội dung gần nhau của nhiều môn học vào cùng một lĩnh vực hoặc bổ sung, phát triển môn

học tích hợp đã có trong chương trình hiện hành tạo thành môn học mới; hình thành các chủ đề dạy học liên môn, bao gồm cả các chủ đề liên quan đến thực tiễn đời sống.

- Phân hóa mạnh ở trung học phổ thông bằng các môn học tự chọn và gắn với định hướng nghề nghiệp, tiếp tục phát triển những năng lực chung và đi sâu phát triển các năng lực chuyên môn. Học sinh chỉ học một số môn học bắt buộc, còn lại tự chọn môn học và chuyên đề học tập theo sở trường và nguyện vọng của cá nhân trong giới hạn khả năng đáp ứng của nhà trường. Các chuyên đề học tập tự chọn nhằm đáp ứng hiểu biết nâng cao hoặc mở rộng kiến thức các môn học, cung cấp những hiểu biết và kĩ năng ban đầu giúp học sinh có những thông tin để định hướng và tiếp cận nghề nghiệp trong tương lai.

- Nội dung của mỗi môn học phụ thuộc vào mục tiêu hình thành và phát triển năng lực, vì thế không nhất thiết phải đưa vào môn học tất cả các nội dung của khoa học tương ứng mà chỉ lựa chọn một số nội dung cốt lõi, có ích cho việc hình thành và phát triển các năng lực cần thiết.

- Các hoạt động giáo dục trong nhà trường không chỉ nhằm giáo dục tư tưởng đạo đức, bồi dưỡng tình cảm mà còn tạo điều kiện gắn bó kiến thức môn học với đời sống, địa phương, cộng đồng, đất nước, góp phần hình thành, phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống và những năng lực chung cần có ở con người trong xã hội hiện đại, nhất là trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước,

môi trường tự nhiên; tính tự lập, tự tin, tự chủ; các năng lực sáng tạo, hợp tác, giao tiếp, tự quản lý bản thân... Vì thế chúng cần được thiết kế thành một chỉnh thể tổng hợp, thống nhất, kết hợp giữa phát triển đồng tâm và tuyến tính, có tính mở, gắn với thực tiễn nhà trường, địa phương và hướng tới đầu ra là phẩm chất, năng lực học sinh.

### 3. KẾT LUẬN

Chương trình giáo dục theo định hướng phát triển năng lực người học đã được đề cập phổ biến từ những năm 90 của thế kỉ XX và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Ưu điểm cơ bản của cách tiếp cận này là tạo điều kiện quản lý chất lượng giáo dục theo kết quả đầu ra đã quy định; nhấn mạnh năng lực vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống do cuộc sống đặt ra, biết hành động, ứng phó linh hoạt và hiệu quả trong bối cảnh, môi trường có nhiều biến đổi... của học sinh. Tuy nhiên, nếu vận dụng không chú ý đầy đủ đến nội dung dạy học thì có thể dẫn đến các lỗ hổng tri thức cơ bản và tính hệ thống của tri thức. Ngoài ra, điều kiện tiên quyết để cách tiếp cận năng lực mang lại hiệu quả là phải có một danh mục năng lực cần thiết được thiết kế một cách cẩn thận, có cơ sở khoa học và phù hợp với bối cảnh thực tế trong từng giai đoạn giáo dục cụ thể. Điều đáng lưu ý ở đây là danh mục này không phải là một khuôn mẫu bất biến để áp dụng mãi mãi. Với môi trường hoạt động luôn thay đổi, yêu cầu đặt ra cho giáo dục ngày càng cao hơn, cơ cấu danh mục năng lực sẽ có những thay đổi về thành phần cũng như mức độ của chúng. Vì thế, tiếp tục triển khai và cập nhật thường xuyên những nghiên cứu mới, cụ thể về định hướng này đối với giáo dục Việt Nam là hết sức cần thiết trong thời gian tới.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), *Đề án Đổi mới chương trình, sách giáo khoa phổ thông*, www.moet.edu.vn.
2. Nguyễn Hữu Châu (2006), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học*, Nxb. Giáo dục (tái bản lần thứ nhất).
3. Nguyễn Đức Chính (2008), *Thiết kế và đánh giá chương trình giáo dục*, tập bài giảng, Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Lê Kim Long, Phạm Minh Trí (2012), *Ứng dụng cách tiếp cận năng lực chung - một phương pháp mới xác định danh mục năng lực cần thiết đối với chuyên viên ngân hàng*, Tạp chí Ngân hàng Số 9/2012, tr. 26-31.
5. Đỗ Ngọc Thống (2014), *Tài liệu chuyên văn*, tập 2, Nxb. Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Văn Tuấn (2010), *Tài liệu học tập về phương pháp dạy học tích hợp* (chuyên đề bồi dưỡng sư phạm), trường Đại học Sư phạm kỹ thuật TPHCM.
7. *Từ điển tiếng Việt* (2006), Nxb. Đà Nẵng

8. Jon Wiles, Joseph Bondi (2005), *Xây dựng chương trình học. Hướng dẫn thực hành* (xuất bản lần thứ 6), Nguyễn Kim Dung dịch, Nxb Giáo dục.

**ABSTRACT**

*The approaching to the program of development based on ability-orientation of the learner has been, for a long time, becoming a trend of international education and, at the present, is being implemented in the scheme named "Revolution of educational program and Textbook prior 2015 in Vietnam". Based on systemization of those results in inbound and outbound researches in recent time, this writing provides some practical and theoretical basis, to contribute to clarify the definition of ability, characteristics of the approach to the program of development based on ability-orientation of the learner and to analyses the contents of the scheme "Revolution of educational program and Textbook prior 2015 in Vietnam".*